

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-PT

Ngày: 24/12/2018

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Ông Hồ Đức Quang

- **Tký phiên tòa:** Bà Trương Thị Minh Hiền - Tky Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phan Lê Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2018, và Thông báo mở lại phiên tòa số 145/2018/TB-TA ngày 11/12/2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Đặng Kim T. Địa chỉ: Khối 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê H, địa chỉ: Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư Hà Tĩnh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình G – Văn phòng Luật sư L, đoàn Luật sư Hà Tĩnh (có mặt)

**Bị đơn:**

1. Bà Đặng Thị T2; địa chỉ: Số 481, đường H, TP H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

2. Bà Đặng Thị H; địa chỉ: Số 485, đường H, TP H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị T2: Ông Nguyễn Vinh D và ông Nguyễn Văn D – VP Luật sư V và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị T2 và bà Đặng Thị H: Ông Nguyễn Cao T – VP Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An (có mặt)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Đặng Xuân T; địa chỉ: tổ 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị N; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

2. Bà Dương Thị N; địa chỉ: tổ 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

3. Bà Đặng Thị T; địa chỉ: số 11, đường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: số 90, đường L, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị Thị T: Luật sư Trần Quang M và Luật sư Phạm Thị H – Công ty Luật Hợp danh H, thuộc đoàn LS Hà Nội (vắng mặt)

4. Ông Dương Đăng H; địa chỉ: số 481, đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

5. Ông Lê Đình T; địa chỉ: số 485, đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

6. Anh Trương Vũ A; địa chỉ: số 485, đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

7. Anh Trương Nam T; địa chỉ: số 485, đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

8. Anh Trương Minh Đ; địa chỉ: số 485, đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

9. Chị Thái Thị Thu H; địa chỉ: số 485, đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

10. Chị Trần Thị Huyền T; địa chỉ: số 485, đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

11. Anh Dương Phúc H; địa chỉ: số 105, ngõ 10, đường N, quận H, Hà Nội (vắng mặt)

12. Chị Lê Thị Phương D; địa chỉ: số 11, đường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

13. Chị Lê Thị Thùy D; địa chỉ: số 46/79/06 P, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

14. Chị Lê Thị Thùy P; địa chỉ: phòng khám đa khoa bác sỹ gia đình, số 395-397 Đ, phường 25, quận B, TP.Hồ Chí Minh (vắng mặt)

15. Cháu Lê Kỳ V; sinh năm 2000; địa chỉ: số 485, đường H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Kỳ V: Bà Đặng Thị H (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2015 của nguyên đơn cụ Đặng Kim T và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Cụ Đặng Kim T có vợ là cụ Nguyễn Thị L, có 4 con chung gồm: ông Đặng Xuân T, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị H. Trong quá trình chung sống cụ T và cụ L tạo lập được khối tài sản chung gồm có: 01 Lô đất có diện tích 564,3m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 767, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ 371) tại khối 04, phường Đ, thành phố H có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị C vào năm 1975 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (gồm 01 ngôi nhà 03 tầng kiên cố, một ngôi nhà 02 tầng kiên cố và một ngôi nhà xây cấp 4, 01 ngôi nhà gỗ gắn liền với đất); 01 Lô đất có diện tích 108m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 579+588, tờ bản đồ số 02, tại xóm B, xã T, thành phố H đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2006 mang tên Đặng Minh T và Nguyễn Thị L và 01 ngôi nhà 01 tầng kiên cố gắn liền với đất. Ngày 14/4/2008, cụ L chết không để lại di chúc, khối tài sản của hai cụ đang do cụ T và các con quản lý. Nguyên đơn cụ Đặng Kim T yêu cầu Tòa án công nhận phần tài sản cụ được hưởng trong khối tài sản chung và chia thừa kế đối với di sản cụ L để lại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Đặng Thị T và bà Đặng Thị H thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian cụ L chết, không để lại di chúc và những người thuộc diện thừa kế.

*Bà Đặng Thị T trình bày:* Bà và ông Dương Đăng H kết hôn năm 1990, sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống cùng cụ T và cụ L tại khối 4, phường Đ, thành phố H. Năm 1991, cụ T và cụ L chia cho vợ chồng bà một lô đất tại khối 4, phường Đ, thành phố H nên vợ chồng bà bán đất trên đường N cho ông Kiều Đình T rồi xây nhà 1 tầng để ở. Năm 1998, vợ chồng bà xây thêm tầng 2. Năm 2012, sửa chữa nâng cấp toàn bộ nhà. Do vậy, phần diện tích đất gia đình bà đang sử dụng và ngôi nhà 2 tầng nằm trên thửa đất 767, tờ bản đồ số 1 tại khối 4, phường Đ, thành phố H là tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của vợ chồng bà. Ngoài các tài sản như cụ T trình bày thì tài sản chung của cụ T và cụ L còn có 01 thửa đất tại thị trấn C, huyện C hiện nay gia đình ông Đặng Xuân T đang quản lý sử dụng. Năm 2011, cụ T đã lập văn bản giao quyền sử dụng đất với nội dung: thửa đất tại huyện C và thửa đất tại xã T giao cho ông Đặng Xuân T, thửa đất tại phường Đ chia thành 3 lô giao cho bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị H và bà Đặng Thị T. Việc tặng cho này đã có hiệu

lực, do đó bà T2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ T về việc yêu cầu công nhận phần tài sản cụ T được hưởng trong khối tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ L để lại. Bà đề nghị Tòa án trung cầu giám định sức khỏe của cụ T và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, nếu Tòa án không chấp nhận thì yêu cầu đưa đất nhà tại thị trấn C vào để chia thừa kế.

*Bà Đặng Thị H trình bày:* Bà và chồng cũ ông Trương Đình C kết hôn năm 1982. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống cùng cụ T và cụ L. Đến năm 1993 thì cụ T và cụ L chia cho vợ chồng bà 01 lô đất tại khối 4, phường Đ, thành phố H nên vợ chồng bà xây nhà đến năm 1996 mới hoàn thành. Trong quá trình xây nhà thì vợ chồng mâu thuẫn, chồng bỏ về quê nội ở. Sau khi xây xong thì cụ T và cụ L và mẹ con bà chung sống cùng nhau trong ngôi nhà này. Năm 2000, bà kết hôn với ông Lê Đình T về sống chung trong nhà. Năm 2000, cụ T sửa chữa một số hạng mục. Năm 2012, con bà là Trương Vũ A xây thêm và nâng cấp lại toàn bộ ngôi nhà. Ngoài ra, trong gia đình không có ai đóng góp gì trong việc xây dựng sửa chữa nhà. Năm 2011, cụ T đã lập bản giao quyền sử dụng đất ghi nhận lại quyền sử dụng đất đã cho các con. Do vậy, phần diện tích đất và ngôi nhà 3 tầng nằm trên thửa đất tại khối 4, phường Đ, TP Hà Tĩnh là tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của bà và các con. Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của cụ T. Bà đề nghị Tòa án trung cầu giám định sức khỏe của cụ T và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, nếu Tòa án không chấp nhận thì yêu cầu đưa đất nhà tại thị trấn C vào để chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất với lời khai của bị đơn bà Đặng Thị T2 và bà Đặng Thị H về thời gian cụ L chết, không để lại di chúc, những người thuộc diện thừa kế, tài sản chung của cụ T và cụ L. Sau khi kết hôn bà T sinh sống và làm việc tại tỉnh Gia Lai, đã có nhà đất tại tỉnh Gia Lai. Khối tài sản gồm đất và nhà mà cụ T yêu cầu chia thừa kế là các tài sản mà cụ T đã chia cho các con theo ghi nhận tại Bản giao quyền sử dụng đất cụ T lập ngày 08/7/2011 do cụ T và các con ký vào được chính quyền địa phương xác nhận nên bà Thảo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của cụ T. Bà cũng có đề nghị Tòa án trung cầu giám định sức khỏe của cụ T và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn, nếu Tòa án không chấp nhận thì yêu cầu đưa đất nhà tại thị trấn C vào để chia thừa kế.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Xuân T và bà Dương Thị N trình bày:* Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 2, diện tích 1410m<sup>2</sup> và nhà tại tổ 4, thị trấn C, huyện C là tài sản do ông Đặng Xuân N (ông nội của ông T) cho ông Thi, ông Thi đã được UBND huyện C ban hành Quyết định số 110-QĐ/UB ngày 27/12/1997 về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất đối với thửa đất này. Ông bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn về toàn bộ các tình tiết trong vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Đăng H trình bày:* Ngôi nhà 2 tầng ở số 481, đường H, khối phố 4, phường Đ, thành phố H mà

ông, bà Đặng Thị T2 và các con đang quản lý, sử dụng do ông và bà T2 xây dựng bằng tiền vay mượn của bạn bè và tiền bán lô đất tại đường N cho thầy Kiều Đình T. Quá trình quản lý sử dụng đã hoàn thiện dần. Cụ T và cụ L có cho ông bà đất thì ông bà mới xây dựng nhà. Do đó, lô đất và ngôi nhà 2 tầng này là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông, việc cụ T cho rằng ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của cụ T và cụ L và yêu cầu chia thừa kế đối với ngôi nhà này ông không chấp nhận, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T trình bày:* Ông và bà Đặng Thị H kết hôn với nhau năm 2000, chung sống tại số nhà 485, đường H, khối phố 4, phường Đ, thành phố H. Năm 2012, khi sửa chữa nhà ông có góp công góp sức, cụ thể ông quản lý vật liệu, kiểm tra công nhân và hỗ trợ về kinh tế để sửa chữa nhà. Ông không có yêu cầu xem xét quyền lợi của mình.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Vũ A trình bày:* Ngôi nhà 3 tầng ở số 485, đường H, khối phố 4, phường Đ, thành phố H do bà Đặng Thị H xây dựng. Quá trình sống trong nhà anh Trương Vũ A có đóng góp cho mẹ anh số tiền 350.000.000đ để cải tạo, sửa chữa ngôi nhà vào năm 2012. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về quyền lợi của anh đồng thời đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Nam T và chị Trần Thị Huyền T trình bày:* Quá trình sửa chữa ngôi nhà 3 tầng ở số 485, đường H, khối phố 4, phường Đ, thành phố H vợ chồng anh chị có đóng góp một số tiền không nhớ cụ thể cho bà Hương để cải tạo, sửa chữa ngôi nhà. Anh chị đề nghị giải quyết mọi quyền lợi của anh chị giao cho bà H được thụ hưởng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Minh Đ và chị Thái Thị Thu H trình bày:* Ngôi nhà 3 tầng ở số 485, đường H, khối phố 4, phường Đ, thành phố H do bố mẹ anh xây dựng. Quá trình sửa chữa ngôi nhà vợ chồng anh chị không có đóng góp gì và không yêu cầu giải quyết quyền lợi gì của anh chị.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Phúc H và anh Dương Phước H trình bày:* thống nhất với lời khai của bà Đặng Thị T2. Quá trình sửa chữa nâng cấp nhà các anh có hỗ trợ bung bê vật liệu xây dựng và nấu nước cho thợ. Các anh đề nghị Tòa án trưng cầu giám định sức khỏe của cụ T, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của cụ Đặng Kim T, nếu phải chia thừa kế thì phải đưa cả đất ở C vào.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy D trình bày:* chị có đóng góp 10.000.000đ đưa cho bà T gửi về đóng góp để sửa lại quán, nhưng chị không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị không có quan điểm gì, đối với di sản của cụ L, chị đề nghị bổ sung đất nhà ở C.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Phương D trình bày:* chị có đóng góp 10.000.000đ để làm lại xưởng nấu kẹo cu đơ, nhưng không

có yêu cầu gì đối với số tiền đóng góp này. Đối với yêu cầu khởi kiện của cụ T, chị đề nghị đưa đất nhà ở C vào phân chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy P trình bày: có nghe nói việc ông bà ngoại cho mẹ là bà T đất, chính cụ T đã 3 lần viết giấy cho bà T đất. Chị đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nếu phân chia phải đưa thêm thửa đất tại xã C2, huyện C vào để chia.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H Quyết định: Áp dụng các Điều 633, 634, 645, 675, 676, 689, 692, 733 của BLDS 2005; Khoản 2 điều 357, khoản 2 điều 468, điểm c, d khoản 1 Điều 688 BLDS 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 31 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 2 Điều 147 BLTTDS; Khoản 7, 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, xử:

1. Xác định tài sản chung của cụ Đặng Kim T và cụ Nguyễn Thị L gồm: Thửa đất số 579+588, tờ bản đồ số 02, diện tích 108m<sup>2</sup> tại xóm B, xã T, thành phố H trị giá 864.000.000đ đã được UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ mang tên Đặng Minh T và Nguyễn Thị L và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (gồm 01 ngôi nhà xây cấp 4 đồ bằng trị giá 207.000.000đ, 01 nhà gỗ đã xuống cấp và 01 mái tôn nền láng xi măng trần nhựa đã hết khấu hao); Thửa đất số 767, tờ bản đồ số 01, diện tích 564,3m<sup>2</sup> tại khối 04, phường Đ, thành phố H trị giá 6.343.400.000đ; ½ ngôi nhà 03 tầng tọa lạc tại số nhà 485, đường H, khối 4, phường Đ, thành phố H trị giá 316.312.500đ; 01 ngôi nhà xây cấp 4 lợp ngói làm kho và xưởng sản xuất kẹo cu đơ và 01 ngôi nhà gỗ lợp ngói tại khối 4, phường Đ, thành phố H đã hết khấu hao. Tổng giá trị tài sản là: 7.730.712.500đ.

2. Xác định di sản cụ Nguyễn Thị L để lại là ½ khối tài sản nêu trên trị giá 3.865.356.250đ. Kỹ phần thừa kế cụ Đặng Kim T, ông Đặng Xuân T, bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị H mỗi người được hưởng là 773.071.250 đồng.

3. Chia thửa đất số 767, tờ bản đồ số 01, diện tích 564,3m<sup>2</sup> tại khối 04, phường Đ, thành phố H thành 3 lô (có sơ đồ kèm theo):

- Ông Đặng Kim T được quyền quản lý, sử dụng đất lô thứ hai (S2) có diện tích 177,1m<sup>2</sup>, trị giá 1.948.100.000đ, có tứ cận: phía Nam giáp ngôi nhà 3 tầng bà Đặng Thị H hiện đang sử dụng, phía Bắc giáp ngôi nhà 2 tầng bà Đặng Thị T2 đang sử dụng, phía Tây giáp đường H, phía Đông giáp mương thoát nước và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên lô đất S2 gồm 01 ngôi nhà cấp 4 dùng làm nhà kho và xưởng sản xuất kẹo cu đơ, 01 ngôi nhà gỗ đã cũ dùng làm quán bán kẹo cu đơ, hàng rào, sân, mái che (đã khấu hao hết);

- Bà Đặng Thị T2 được quyền quản lý, sử dụng đất lô thứ nhất (S1) có diện tích 250,3m<sup>2</sup>, trị giá 2.753.300.000đ, có tứ cận: phía Nam giáp ngôi nhà cấp 4 dùng làm xưởng sản xuất kẹo cu đơ và ngôi nhà gỗ đã cũ dùng làm quán bán kẹo cu đơ, phía Bắc giáp hộ ông Phạm Ngọc T, phía Tây giáp đường H, phía Đông giáp mương thoát nước. Ông Dương Đăng H và bà Đặng

Thị T2 được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên lô đất S1 gồm 01 ngôi nhà 3 tầng trị giá 535.000.000đ và sân, mái che, cổng, hàng rào (đã khấu hao hết);

- Bà Đặng Thị H được quyền quản lý, sử dụng đất lô thứ ba (S3) có diện tích 136,9m<sup>2</sup>, trị giá 1.642.000.000đ, có tứ cận: phía Nam giáp đường 26/3, phía Bắc giáp ngôi nhà cấp 4 dùng làm xưởng sản xuất kẹo cu đơ và ngôi nhà gỗ đã cũ dùng làm quán bán kẹo cu đơ, phía Tây giáp đường H, phía Đông giáp mương thoát nước và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên lô đất S3 gồm 01 ngôi nhà 3 tầng trị giá 632.625.000 đồng và sân, mái che, cổng, hàng rào (đã khấu hao hết).

4. Ông Đặng Xuân T được quyền quản lý, sử dụng đất thửa số 579+588, tờ bản đồ số 02, có diện tích 108m<sup>2</sup> trị giá 864.000.000đ tại xóm B, xã T, thành phố H đã được cấp GCNQSD đất số AG 097385 ngày 13/7/2006 mang tên Đặng Minh T và Nguyễn Thị L và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 01 ngôi nhà xây cấp 4 đồ bằng trị giá 207.000.000đ và 01 nhà gỗ đã xuống cấp, 01 mái tôn nền láng xi măng trần nhựa đã khấu hao hết. (sơ đồ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

Giao cho cụ Đặng Kim T, bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị H, ông Đặng Xuân T có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

5. Buộc bà Đặng Thị T2 có trách nhiệm T2 toán 516.071.250đ, bà Đặng Thị H có trách nhiệm T2 toán 128.500.000đ, ông Đặng Xuân T có trách nhiệm T2 toán 128.500.000đ tiền chênh lệch tài sản cho bà Đặng Thị T. Buộc bà Đặng Thị H có trách nhiệm T2 toán cho anh Trương Vũ A 350.000.000đ tiền công sức đóng góp xây dựng nhà.

6. Bà Đặng Thị T được quyền sở hữu tổng số tiền 773.071.250 đồng do bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị H và ông Đặng Xuân T2 toán. Anh Trương Vũ A được quyền sở hữu 350.000.000đ do bà Đặng Thị H thanh toán.

7. Xác định công sức đóng góp trong quá trình quản lý, tôn tạo, sử dụng tài sản là số tiền chênh lệch tài sản còn lại như sau: Bà Đặng Thị T2 được hưởng 1.464.157.500đ, bà Đặng Thị H được hưởng 706.741.250đ, ông Đặng Xuân T được hưởng 169.428.750đ. Bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị H, ông Đặng Xuân T không phải T2 toán tiền chênh lệch tài sản cho cụ T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/6/2018, bị đơn bà Đặng Thị T2 kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử lại, bác yêu cầu khởi kiện của cụ T yêu cầu cụ T và các thành viên trong hộ gia đình thực hiện nội dung đã thoả thuận trong bản giao quyền sử dụng đất lập ngày 05/8/2011.

- Ngày 11/6/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Th kháng cáo với nội dung Toà án sơ thẩm không căn cứ vào Bản giao quyền sử dụng đất ngày 05/8/2011 để xét xử, không đưa thửa đất 1450m<sup>2</sup> và tài sản ở xã C2, huyện C vào khối tài sản thừa kế, không đưa UBND xã C, UBND

huyện C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đảm bảo. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm nghiên cứu giải quyết hợp lý.

- Ngày 12/6/2018, nguyên đơn cụ Đặng Kim T kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng xét lại việc xây dựng ngôi nhà 481 đường H, thành phố Ha để xác định những người có quyền sở hữu; tính toán công sức xây dựng nhà và quản lý tài sản; buộc các đồng thừa kế nhận nhà đất phải T2 toán tiền chênh lệch cho cụ.

- Ngày 14/6/2018, bà Đặng Thị H kháng cáo với nội dung bà Đặng Thị T không được chia đất mà chỉ được chia một số ít tiền là chưa hợp lý, phần đất bà H được chia cũng ít so với phần đất của ông Đặng Xuân T nên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử thấu tình đạt lý.

- Ngày 15/6/2018, bà Đặng Thị T2 bổ sung kháng cáo cho rằng việc đánh giá thửa đất tranh chấp ở phường Đại Nài chưa đúng giá trị vì thửa đất có một phần nằm trong quy hoạch nhưng Toà án đã ấn định toàn bộ.

- Ngày 28/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh kháng nghị bản án số 01/2018 ngày 30-5-2018 của TAND thành phố H đề nghị xem xét lại nguồn gốc thửa đất số 24 diện tích 1410m<sup>2</sup> tại thị trấn C; đề nghị xem xét việc tính công sức tôn tạo tài sản đối với các đương sự Đặng Thị T2, Đặng Thị H và Đặng Xuân T. Việc không tuyên tạm giao đối với QSD đất tại thửa đất số 767 tại khối phố 4 phường Đ. Việc không buộc bà Đặng Thị H phải trả lại cho anh Trương Anh V số tiền 350.000.000đ là không đúng.

Tại phiên tòa các đương sự kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Tky phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, áp dụng các quy định tại Điều 223, khoản 1 Điều 226 BLDS 2005, nội dung tại Án lệ số 24/2018 ngày 17/10/2018, khoản 2 Điều 308 BLTTDS 2015 sửa án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành xác minh, thẩm định tại chỗ thửa đất đang tranh chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.



[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và nội dung kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hàng thừa kế: Vợ chồng cụ Đặng Kim T và cụ Nguyễn Thị L có 4 người con là: ông Đặng Xuân T, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị H. Cụ L chết ngày 14/4/2008, không để lại di chúc nên cụ T, ông T, bà T, bà T2 và bà H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L. Quá trình giải quyết vụ án, tất cả các đương sự đều thừa nhận những người thuộc hàng thừa kế như trên.

[2.2] Về tài sản của cụ Đặng Kim T và cụ Nguyễn Thị L: Quá trình chung sống cụ T và cụ L tạo lập được khối tài sản chung gồm 01 Lô đất có diện tích 564,3m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 767, tờ bản đồ số 01 (Bản đồ 371) tại khối 04, phường Đ, thành phố H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (gồm 01 ngôi nhà 03 tầng kiên cố, một ngôi nhà 02 tầng kiên cố và một ngôi nhà xây cấp 4, 01 ngôi nhà gỗ gắn liền với đất); 01 Lô đất có diện tích 108m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 579+588, tờ bản đồ số 02, tại xóm B, xã T, thành phố H đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2006 mang tên Đặng Minh T và Nguyễn Thị L và 01 ngôi nhà 01 tầng kiên cố gắn liền với đất.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án cụ Đặng Kim T cho rằng các di sản là tài sản chung của cụ và L chưa được phân chia theo quy định của pháp luật. Mặc dù, ngày 08/7/2011 gia đình đã lập văn bản phân chia đất bằng “*Bản giao quyền sử dụng đất*” do cụ T lập, các con gồm ông Đặng Xuân T, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị H đã ký tên, ngày 11/7/2011 khối phố trưởng ký tên và cùng ngày Chủ tịch UBND phường Đ đã xác nhận chữ ký của khối trưởng, tuy nhiên văn bản này không có giá trị pháp lý nên chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, bởi các lý do: Văn bản này chưa được công chứng, chứng thực, chưa thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; việc cụ T định đoạt đối với cả tài sản của cụ L để lại là vượt quá phạm vi quyền hạn của mình; nội dung của bản giao quyền sử dụng đất nêu trên ghi giao quyền thừa kế quyền sử dụng đất cho bà T2, bà T, bà H, ông T thì nội dung của nó là di chúc. Hiện cụ T đang sống nên cụ T có quyền thay đổi, hủy bỏ di chúc.

[2.4] Về “*Bản giao quyền sử dụng đất*” ngày 08/7/2011, có nội dung:

- Thừa đất tại xã C2, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và thừa đất tại xóm B, xã T, thành phố H giao quyền thừa kế cho ông Đặng Xuân T

- Thừa đất tại khối phố 4, phường Đ, thành phố H chia ra làm 3 phần:

+ Phần thứ nhất (phía Bắc, giáp với vườn của gia đình ông T và bà Đ) rộng 250m<sup>2</sup> giao quyền thừa kế cho bà Đặng Thị T2

+ Phần đất thứ hai (phía Nam, giáp với ô tô của gia đình ông P và bà H) rộng 150m<sup>2</sup> giao quyền thừa kế cho Đặng Thị T

+ Phần đất thứ ba (nằm giữa hai phần đất trên) có diện tích 200m<sup>2</sup> giao quyền thừa kế cho Đặng Thị H.

Xét “Bản giao quyền sử dụng đất” thấy rằng, đây là một bản cam kết thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất của cụ T và các con, thỏa mãn các quy định tại Điều 121, 122 và khoản 1 Điều 124 BLDS năm 2005 nên đã phát sinh hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, buộc các bên phải thực hiện cam kết đó, bởi các lý do:

- Văn bản này do chính nguyên đơn viết và ký, đồng thời được những người thuộc hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị L là ông Đặng Xuân T, bà Đặng Thị T, bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị H ký, khối phố trưởng ký tên và được chủ tịch UBND phường Đ xác nhận chữ ký của khối phố trưởng, kèm theo văn bản này là sơ đồ phân chia đất do chính tay cụ Đặng Kim Tv ã phân chia. Tại phiên tòa cụ T cũng khẳng định chính tay cụ đã vẽ sơ đồ này. Như vậy, văn bản này đã thể hiện ý chí của tất cả các đương sự, cụ T tự nguyện định đoạt phần tài sản của mình, phần mình được thừa kế của cụ L cho các con; các con ký vào văn bản đã thể hiện ý chí nhận tài sản do cụ T định đoạt.

- Theo “Bản giao quyền sử dụng đất” thừa đất tại khối phố 4, phường Đ, thành phố H chia ra làm 3 phần. Việc phân chia đất theo biên bản này thực chất là xác nhận lại bằng văn bản quá trình sử dụng đất và các tài sản cũng như quá trình sinh sống trên đất của tất cả các con của hai cụ, họ đã làm nhà, xây dựng các công trình kiên cố, nhiều lần sửa chữa và sinh sống ổn định, liên tục từ trước đó. Thời điểm cho đất hai cụ còn khỏe mạnh, minh mẫn, cụ thể cụ L còn sống cho đến năm 2008 mới mất. Trước và sau khi phân chia đất bằng “Bản giao quyền sử dụng đất” các bên không có ý kiến phản đối, không ai tranh chấp về phần tài sản được bố mẹ cho, cụ thể:

+ Đối với bà Đặng Thị T2, năm 1991, sau khi được bố mẹ cho đất, vợ chồng bà T2 đã bán đất trên đường N cho ông Kiều Đình T rồi xây nhà 1 tầng trên thửa đất tại khối 4 phường Đ, thành phố H để ở. Năm 1998, vợ chồng bà xây thêm tầng 2 và năm 2012 sửa chữa nâng cấp toàn bộ nhà.

+ Đối với bà Đặng Thị H, năm 1993 sau khi bố mẹ cho vợ chồng đất tại khối 4, phường Đ, thành phố H, vợ chồng bà xây nhà đến năm 1996 mới hoàn thành. Trong quá trình xây nhà thì vợ chồng mâu thuẫn, chồng bỏ về quê nội ở. Sau khi xây xong thì cụ T và cụ L và mẹ con bà chung sống cùng nhau trong ngôi nhà này. Năm 2000, bà kết hôn với ông Lê Đình T về sống chung trong nhà. Năm 2000, cụ T sửa chữa một số hạng mục. Năm 2012, con bà là Trương Vũ A xây thêm và nâng cấp lại toàn bộ ngôi nhà.

+ Đối với phần đất 150m<sup>2</sup> giao quyền thừa kế cho Đặng Thị T, bà T bận công việc trong Nam chưa về sinh sống nên giao quyền quản lý lại cho bà T2 sử dụng làm nhà xưởng sản xuất

Mặc dù, quá trình sử dụng đất bà Đặng Thị T2, Đặng Thị H, Đặng Thị T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng việc chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 767, tờ bản đồ số 01, bản đồ 371 diện tích 544m<sup>2</sup> tại khối 04, phường Đ, thành phố H là do một phần diện tích đất đang nằm trong chỉ giới quy hoạch đường Quốc lộ 1A. Nội dung này được ông Đặng Xuân H - Chủ tịch UBND xã Đ xác nhận gia đình cụ T có nộp hồ sơ xin đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại biên bản

làm việc ngày 27/3/2018 (BL 363). Tại phiên tòa hôm nay bà Đặng Thị T2, ông Nguyễn Văn T (Phó bí Tchi bộ) và những người làm chứng là xóm làng liền kề thửa đất tranh chấp trình bày việc bà T2, bà H, bà T chưa được cấp quyền sử dụng đất là do đất nằm trong quy hoạch cũng như các hộ dân ở đó.

Đối với phần tài sản trên diện tích đất được giao cho các con hai cụ Thu, L gắn liền với đất, hầu hết các tài sản này được các con của hai cụ xây dựng trước khi có văn bản phân chia này. Mặt khác, khi cụ T lập bản giao quyền sử dụng đất này đồng nghĩa với việc cụ cũng đã định đoạt phần tài sản gắn liền với đất cho những người được giao đất. Sau khi phân chia bằng văn bản bên được giao đất tiến hành sửa chữa nhà cửa và các công trình khác, cụ T cũng như các đồng thừa kế khác không ai có ý kiến gì phản đối.

+ Đối với ông Đặng Xuân T, theo văn bản giao quyền sử dụng đất nói trên, ông Thi được giao thửa đất số 579+588, tờ bản đồ số 02, có diện tích 108m<sup>2</sup> tại xóm B, xã T, thành phố H đã được UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2006 mang tên Đặng Minh T và Nguyễn Thị L và 01 ngôi nhà 01 tầng kiên cố gắn liền với đất. Hiện cụ T đang sống cùng ông T trên thửa đất này, thửa đất đã được vợ chồng ông làm nhà sinh sống ổn định từ trước đến nay.

+ Đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 2, diện tích 1410 m<sup>2</sup> và nhà tại tổ 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là phần tài sản trong bản giao quyền sử dụng đất ngày 08/7/2011, cụ T và các đồng thừa kế thống nhất là tài sản chung của cụ T và cụ L. Mặc dù, án sơ thẩm không đưa vào xem xét là tài sản chung của hai cụ, song trong hồ sơ phản ánh phần tài sản này cũng đã được hai cụ T và L giao cho ông Đặng Xuân T sử dụng từ trước năm 1980. Nội dung này tại biên bản hòa giải ở cấp sơ thẩm ông Đặng Xuân T thừa nhận thửa đất là của bố mẹ cho vợ chồng ông, sau đó ông T thay đổi lời khai cho rằng đất là của cố N (là ông nội) cho. Xem xét hồ sơ đăng ký sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân thị trấn C thể hiện ông T kê khai nguồn gốc đất là “đất của cha mẹ cho”. Vì thế việc ông T cho rằng thửa đất của cố N cho là không khách quan, có cơ sở xác định thửa đất này là đất của cụ T, cụ L cho vợ chồng ông Đặng Xuân T từ năm 1980. Năm 1997, ông Đặng Xuân T đã được UBND huyện C giao quyền quản lý sử dụng bằng Quyết định số 110-QĐ/UB ngày 27/12/1997 của UBND huyện C cho nên kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Tĩnh đề nghị xem xét nguồn gốc diện tích đất này là có cơ sở.

[2.5] Như vậy, có thể thấy rằng khối tài sản chung của hai cụ Đặng Kim T và Nguyễn Thị L đã được hai cụ cho các con quản lý và sử dụng từ trước năm 1992 và vào thời điểm cụ Nguyễn Thị L đang còn sống khỏe mạnh, minh mẫn. Các con của hai cụ cũng đã làm nhà kiên cố sinh sống ổn định, liên tục hàng chục năm nay. Tại phiên tòa hôm nay, cụ Đặng Kim T trình bày giữa cụ và các con không có mâu thuẫn gì, không có tranh chấp mà do cụ mong muốn các con được cấp Giấy CNQSD đất trước khi cụ mất. Bản thân ông Đặng Xuân T cũng thừa nhận giữa ông và các em không có mâu thuẫn, nhưng ông cho rằng không đồng ý đưa thửa đất ở C vào chia, còn thửa đất ở phường Đ vợ chồng ông cũng phải được chia quyền lợi.

Xét thấy, sự phân chia tài sản của hai cụ Đặng Kim T và Nguyễn Thị L cho các con trước đến thời điểm cụ T và các con lập bản giao quyền sử dụng đất ngày 08/7/2011 đều là thống nhất, không thay đổi ý chí và không có sự thay đổi về tài sản là quyền sử dụng đất mà các con đang sử dụng, bảo đảm quyền lợi cho tất cả các đương sự và cũng phù hợp thực tế sử dụng và đạo lý của người Việt Nam. Đó là con trai trưởng ông Đặng Xuân T được giao quyền sử dụng đất nhiều nhất để thờ tự, gồm 1400m<sup>2</sup> đất tại thị trấn C và diện tích đất trên thực tế sử dụng hơn 200m<sup>2</sup> đất tại xã T, thành phố H. Cụ Đặng Kim T lâu nay cũng đang sinh sống ổn định và được con trai ông Đặng Xuân T trông nom chăm sóc tại xã T. Bản “giao quyền sử dụng đất” ngày 08/7/2011 chính là sự khẳng định bằng văn bản quá trình sử dụng đất của tất cả các thành viên trong gia đình từ trước đến nay mà các cụ đã cho các con. Vì vậy việc cụ Đặng Kim T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và công nhận phần tài sản chung của cụ trong khối tài sản chung của hai cụ Đặng Kim T và Nguyễn Thị L là không có cơ sở chấp nhận. Khối tài sản chung của hai cụ Đặng Kim T và Nguyễn Thị L đã được chuyển thành sở hữu của các cá nhân là con của hai cụ theo quy định tại các Điều 223, 226 BLDS 2005. Điều này cũng phù hợp nội dung trong Án lệ số 24/2018/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17/10/2018 đó là *“Nhà đất là tài sản chung của vợ chồng mà một người chết trước. Người còn lại và các thừa kế của người chết trước đã thống nhất phân chia nhà đất. Thỏa thuận không vi phạm quyền lợi của bất kỳ thừa kế nào. Việc phân chia nhà đất đã được thừa nhận trên thực tế...trường hợp này phải xác định nhà đất đó đã chuyển thành quyền sở hữu sử dụng hợp pháp của các cá nhân..”*

[3] Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích “Bản giao quyền sử dụng đất” của các đương sự đã nhận định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Trên cơ sở thực tế sử dụng đất và sinh sống ổn định của các con của hai cụ Đặng kim T và Nguyễn Thị L có thể khẳng định tài sản chung của cụ Đặng Kim T và Nguyễn Thị L đã được hai cụ cho các con vì vậy đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận một phần nội dung kháng nghị đối với thửa đất số 24 diện tích 1410m<sup>2</sup> có tại UBND thị trấn C là một phần tài sản chung của hai cụ Đặng Kim T và Nguyễn Thị L. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các quy định chấp nhận kháng cáo của các bị đơn và người liên quan, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, chưa đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện. “ Bản giao quyền sử dụng đất” do cụ Tvà các con lập thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự, phù hợp với thực tế sử dụng đất các các bên từ trước đến nay, các bên đã làm nhà, xây dựng công trình và sinh sống ổn định, liên tục không có tranh chấp phù hợp với nội dung của án lệ số 24/2018/AL. Vì vậy, cần bác kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người liên quan, chấp nhận một phần

kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn cụ Đặng Kim T; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị H, người liên quan bà Đặng Thị T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng Điều 121, 122, 124, 223, 226, 633, 634 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, khoản 1 Điều 31 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, tuyên xử:

Bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Đặng Kim T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Cụ Đặng Kim T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho cụ Đặng Kim T 15.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí giá ngạch đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai thu tiền số 5675 ngày 07/7/2015.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo mỗi người 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh theo các biên lai số 0000974 ngày 12/6/2018, 0000975 ngày 12/6/2018, 0000982 ngày 18/6/2018 tại Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND TP Hà Tĩnh;
- Chi cục THA.DS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Lệ Thu**

